**CHƯƠNG TRÌNH ÔN TẬP MÔN SINH HỌC 9**

**A. Thời lượng:** 10 buổi.

**B. Phương pháp:** Trên cơ sở khung chương trình ôn tập, GV hệ thống toàn bộ kiến thức, xây dựng đề cương chi tiết

**C. Nội dung:**

**CHƯƠNG I: CÁC THÍ NGHIỆM CỦA MEN ĐEN**

**1. Nhận biết:**

- Nêu được khái niệm biến dị, di truyền, tính trạng, cặp tính trạng tương phản, kiểu gen, kiểu hình, biến dị tổ hợp, tính trạng trội, tính trạng lặn, phép lai phân tích, dòng thuần, nhân tố di truyền, thể đồng hợp, dị hợp ….

- Biết cặp tính trạng tương phản; kiểu gen đồng hợp, dị hợp (1,2,3 cặp gen).

- Nội dung thí nghiệm lai 1 cặp tính trạng và 2 cặp tính trạng của Men đen.

- Nội dung, ý nghĩa 2 quy luật của Men Đen .

- Ý nghĩa phép lai phân tích .

**2. Thông hiểu:**

- Xác định được được tỷ lệ giao tử, số giao tử tạo ra, số hợp tử, tỷ lệ phân li KG, KH đời con trong sáu phép lai cơ bản của một cặp tính trạng.

- Xác định được được tỷ lệ giao tử, số giao tử tạo ra, số hợp tử, tỷ lệ phân li KG, KH đời con trong các phép lai của hai cặp tính trạng.

**3. Vận dụng:**

- Tìm được kết quả F1, F2khi biết kiểu gen của P

- Xác định kiểu hình là biến dị tổ hợp khi biết kiểu hình của P .

**4. Vận dụng cao:**

- Biết F1, F2. Xác định P .

**CHƯƠNG II: NHIỄM SẮC THỂ:**

1. **Nhận biết:**

- Nêu được khái niệm: bộ NST lưỡng bội,bộ NST đơn bội, thụ tinh, nguyên phân, giảm phân, NST giới tính, …

- Nhận ra được số lượng NST 2n của một loài (nội dung bảng 8 tr24)

- Nhận biết hình dạng, kích thước, cấu trúc điển hình, chức năng của NST, NST giới tính.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính .

- Thí nghiệm, nội dung hiện tượng DTLK .

**2. Thông hiểu:**

- Nêu được ý nghĩa của NP,GP, TT.

- Nêu được diễn biến cơ bản của NST ở các kỳ trong quá trình nguyên phân và giảm phân.

- Cho bộ NST 2n của một loài sinh vật. Xác định được số lượng NST, trạng thái NST, cromatit, tâm động... trong tế bào của loài đó ở 1 kỳ của nguyên phân hoặc giảm phân.

- Chỉ ra được 1 loài sinh vật có cặp XX ở con cái, XY ở con đực .

- Cơ chế xác định giới tính.

**3. Vận dụng:**

- Viết được kí hiệu giao tử tạo ra từ cá thể đực hoặc cái ở 1 loài sinh vật khi biết cặp NST giới tính (XX hoặc XY).

- Ý nghĩa của DTLK, xác định số nhóm gen kiên kết khi biết bộ NST 2n…

**4. Vận dụng cao:**

- Các dạng bài tập đơn giản:

+ Tính số TB con, số NST…. trong các tế bào con qua quá trình NP, GP…

+ Bài tập DTLK

**CHƯƠNG III: AND VÀ GEN**

**1. Nhận biết:**

- Cấu tạo hóa học và cấu trúc không gian, chức năng của ADN, ARN hoặc prôtein .

- Tính đặc thù và đa dạng của AND, protein…

- Các nguyên tắc trong cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử .

- Bản chất của gen.

**2. Thông hiểu:**

- Mối quan hệ giữa gen và tính trạng .

- Xác định trình tự các Nucleotit khi biết một đoạn mạch cho trước .

- Hiểu được các bậc cấu trúc của protein

**3. Vận dụng:**

- Giải được các bài tập tính số Nu, chiều dài, liên kết hiđrô, số bộ ba, số axit amin .

**4. Vận dụng cao:**

**-**  Giải được các bài tập tính số Nu, chiều dài, liên kết hiđrô, số bộ ba, số axit amin (từ 2 phép tính trở lên) .

**CHƯƠNG IV: BIẾN DỊ**

**1. Nhận biết:**

- Nêu được khái niệm và các dạng đột biến gen hoặc đột biến cấu trúc NST, đột biến số lượng NST, thể đa bội, thể dị bội, thường biến, mức phản ứng…

- Vai trò các loại biến dị .

**2. Thông hiểu:**

- Nguyên nhân phát sinh ĐBG, ĐB NST…

- Cơ chế phát sinh thể dị bội..

- Mối quan hệ giữa kiểu gen, môi trường và kiểu hình.

**3. Vận Dụng :**

- Xác định được số nu của AND sau đột biến gen .  
- Tính được số lượng NST trong thể dị bội, đa bội ở một loài sinh vật khi biết bộ NST lưỡng bộ của loài .

**4. Vận dụng cao :**

- Xác định được số liên kết hiđrô của AND sau đột biến gen.  
- Xác định được số đơn phân AND sau đột biến gen .  
- Tính số lượng NST trong TB đột biến ở 1 kì phân bào nguyên phân, giảm phân .

**CHƯƠNG 5: DI TRUYỀN HỌC NGƯỜI:**

**1. Nhận biết:**

- Nêu được khó khăn trong nghiên cứu DTN

- Trình bày được hai phương pháp nghiên cứu DTN

- nêu được các khái niệm phả hệ, trẻ đồng sinh cùng trứng, khác trứng, đặc điểm di truyền và biểu hiện bệnh Đao, Tơcnơ, bạch tạng, câm điếc bẩm sinh, một số tật di truyền.

**2. Thông hiểu:**

- Nguyên nhân gây ra các bệnh di truyền ở người.

- Biện pháp hạn chế các bệnh và tật di truyền ở người,

**3. Vận dụng**

- Giải được bài tập lai một cặp tính trạng ứng dụng trong di truyền người

**4. Vận dụng cao:**

- Giải thích cơ sở khoa học của việc kết hôn 1 vợ 1 chồng và kết hôn gần, phụ nữ không nên sinh con sau tuổi 35; tác hại của ô nhiễm môi trường gây ra các bệnh và tật di truyền ở người.

**CHƯƠNG 6: ỨNG DỤNG DI TRUYỀN HỌC**

**1. Nhận biết:**

- Nêu được các khái niệm: CNTB, KTG, CNG, CNSH và các lĩnh vực của CNSH, thoái hóa, ưu thế lai, lai kinh tế…

**2. Thông hiểu:**

**-** Trình bày được các khâu của CNTB, KTG; Ứng dụng của CNTB, CNG, ứng dụng của tự thụ phấn bắt buộc và giao phối gần trong chọn giống.

- Nguyên nhân, ý nghĩa của ưu thế lai, thoái hóa; các phương pháp tạo ưu thế lai, lai kinh tế;

**3. Vận dụng:**

- vận dụng các khâu trong CNTB, KTG để sản xuất một chế phẩm sinh học cụ thể.

**PHẦN II**

**CHƯƠNG 1: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**

**1. Nhận biết:**

- Nêu được các khái niệm: môi trường, nhân tố sinh thái, giới hạn sinh thái.

- Nêu được các dạng môi trường, các nhân tố sinh thái, ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.

**2. Thông hiểu:**

- Giải thích được sự thích nghi của sinh vật với môi trường

- Nêu đặc điểm các mối quan hệ cùng loài và khác loài

**3. Vận dụng:**

- Lấy được ví dụ về môi trường sống của các loài sinh vật và giới hạn sinh thái của một số nhân tố sinh thái.

- Vận dụng giải thích một số hiện tượng về đặc điểm sinh lí và tập tính của sinh vật.

**4. Vận dụng cao:**

- Vận dụng về ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái để giải thích một số vấn đề trong thực tiến đời sống và sản xuất.

- Xác định mối quan hệ giữa các cơ thể sinh vật qua các ví dụ cụ thể.

**CHƯƠNG 2: HỆ SINH THÁI:**

**1. Nhận biết:**

- Nêu được các khái niệm: quần thể, quần xã, hệ sinh thái, tỉ lệ giới tính, các thành phần nhóm tuổi, mật độ quần thể, độ đa dạng, độ nhiều, độ thường gặp, loài ưu thế, loài đặc trưng, chuỗi thức ăn và lưới thức ăn, khống chế sinh học và cân bằng sinh học, tăng dân số tự nhiên

**2. Thông hiểu:**

- Biết được một số tập hợp là QT, QX, HST.

- Các dạng tháp tuổi,tháp dân số, ảnh hưởng của của tăng dân số tự nhiên và phát triển xã hội.

- Thấy được sự khác nhau giữa QTN với QTSV, ảnh hưởng của môi trường tới QTSV, QXSV.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến tỉ lệ giới tính.

**3. Vận dụng:**

**-** Làm được bài tập về chuỗi thức ăn

- Chỉ ra được các mắt xích chung

**4. Vận dụng cao:** - Làm được bài tập lưới thức ăn

**CHƯƠNG 3: CON NGƯỜI – DÂN SỐ VÀ MÔI TRƯỜNG**

**1. Nhận biết:**

- Nêu được các khái niệm: ô nhiễm môi trường, các tác nhân gây ô nhiễm.

- Nêu được các biện pháp hạn chế ONMT

**2. Thông hiểu:**

- Tác động của con người tới môi trường qua các thời kì phát triển của xã hội

- Những hoạt động của con người đố với môi trường và hậu quả

**3. Vận dụng:** Đưa ra được các ví dụ cụ thể về ONMT và biện pháp khắc phục

**CHƯƠNG 4: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**1. Nhận biết:**

- Nêu được các dạng tài nguyên chủ yếu, các biện pháp bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái.

- Sự cần thiết ban hành luật BVMT và một số nội dung cơ bản của luật

**2. Thông hiểu:**

- Phân biệt được các dạng tài nguyên.

- Phương thức sử dụng các loại tài nguyên thiên nhiên

**3. Vận dụng:**

- Liên hệ về những hoạt động cụ thể của con người có tác dụng bảo vệ cải tạo môi trường tự nhiên và sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên

- Lấy được ví dụ về các hệ sinh thái chủ yếu.